

Bản án số: 103/2024/ DS-ST

Ngày 12-8-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Bằng.

-Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Phương Thanh.

2. Ông Nguyễn Văn Trước.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mỹ Huyền –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long H: Bà Lê Thị Xuân N – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 75/2024/ TLST- DS ngày 20 tháng 03 năm 2024, về việc “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2024/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 177/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: Số B, N, phường T, Quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình L – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hoàng Trung N1 – Chức vụ: Phó Giám đốc khối quản lý và cấu trúc tài sản.

Ông Nguyễn Hoàng Trung N1 ủy quyền lại cho ông Trần Phương K – chức vụ: Chuyên viên tố tụng (Có mặt).

Bị đơn: 1/ Trương Văn Út N2, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

2/ Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm: 1976 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2024 và trong quá trình tham gia tố tụng đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/12/2021 ông Trương Văn Út N2, bà Nguyễn Thị Mỹ H1 và Ngân hàng TMCP Đ có ký hợp đồng tín dụng số 2403/2021/HĐTD/PVB-CN.VL cùng khế ước nhận nợ số LD2134923220 ngày 15/12/2021. Nội dung: Ngân hàng có cho ông N2, bà H1 vay số tiền 170.000.000 đồng, lãi suất 09 tháng đầu là 11%/năm, từ ngày 15/9/2022 đến hết thời hạn vay theo lãi suất từng theo thời điểm của Ngân hàng, thời hạn vay là 60 tháng, hình thức trả nợ gốc và lãi trả hàng tháng thành 60 kỳ, mỗi kỳ trả gốc là 2.600.000 đồng tiền lãi tính trên số dư nợ còn lại, mục đích cho vay mua xe ô tô.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên ông N2 bà H1 có ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 152/2021/HĐBĐ/PVB-CN.VL ngày 15/12/2021. Nội dung ông N2 bà H1 thế chấp cho Ngân hàng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 64H 01087 do ông Trương Văn Út N2 đứng tên chủ sở hữu. Tài sản đã được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông N2 bà H1 đã trả được cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc 39.760.000 đồng, tiền lãi là 21.471.061 đồng, tổng cộng: 61.231.061 đồng.

Đến thời điểm ngày 12/8/2024 ông N2, bà H1 còn nợ tiền gốc: 130.240.000 đồng, tiền lãi là 33.725.131 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 163.965.131 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu ông N2, bà H1 trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 130.240.000 đồng, tiền lãi là 33.725.131 đồng.

-Bị đơn ông N2, bà H1 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng không có bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng không có cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ gì.

-Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án:

+Về thủ tục tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tham gia tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định.

+Về nội dung:

Đề nghị căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463, 466 Bộ

luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện củ nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh V.

Buộc ông N2 bà H1 liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh V số tiền gốc và lãi là 163.965.131 đồng, trong đó nợ gốc là 130.240.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 22.053.266 đồng, nợ lãi quá hạn là 9.845.981 đồng, nợ lãi chậm trả là 1.825.884 đồng.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 13/8/2024 theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2403/2021/HĐTD/PVB-CN.VL cùng khế ước nhận nợ số LD2134923220 ngày 15/12/2021 cho đến khi ông N2 bà H1 thanh toán xong nợ.

Trường hợp ông N2 bà H1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên và lãi suất phát sinh thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 152/2021/HĐBĐ/PVB-CN.VL ngày 15/12/2021 để thu hồi nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông N2 và bà H1 phải chịu 8.198.257 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Bị đơn là ông Trương Văn Út N2 và bà Nguyễn Thị Mỹ H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần 02 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[1.2]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vay còn nợ, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 130.240.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Hợp đồng tín dụng số 2403/2021/HĐTD/PVB-CN.VL cùng khế ước nhận nợ số LD2134923220 ngày 15/12/2021 giữa ông Trương Văn Út N2, bà Nguyễn Thị Mỹ H1 với Ngân hàng TMCP Đ, được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội.

[2.2]. Theo hợp đồng tín dụng nêu trên thì Ngân hàng TMCP Đ có cho ông Trương Văn Út N2, bà Nguyễn Thị Mỹ H1 vay số tiền 170.000.000 đồng để mua xe mô tô. Hình thức là trả góp gốc và lãi hàng tháng là 2.600.000 đồng, trả trong thời hạn 60 tháng. Kể từ ngày ký kết hợp đồng đến thời điểm khởi kiện ngày 12/8/2024 bị đơn đã trả cho nguyên đơn 39.760.000 đồng tiền gốc, còn lại 130.240.000 đồng. Do đó nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả số tiền gốc 130.240.000 đồng là có căn cứ.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn: Yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn tiền lãi tiền lãi là 33.725.131 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “*Tổ chức tín dụng có quyền thỏa thuận với nhau về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Theo Hợp đồng cho vay số 2403/2021/HĐTD/PVB-CN.VL cùng khế ước nhận nợ số LD2134923220 ngày 15/12/2021 có thỏa thuận về mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi suất chậm trả. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn có trả cho nguyên đơn được 21.471.061 đồng. Tính đến ngày 12/8/2024 bị đơn còn nợ 33.725.131 đồng tiền lãi. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi nêu trên là có căn cứ.

[4]. Từ những nhận định trên buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 130.240.000 đồng, tiền lãi là 33.725.131 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 163.965.131 đồng.

[5]. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận theo hợp đồng cho vay số 2403/2021/HĐTD/PVB-CN.VL cùng khế ước nhận nợ số LD2134923220 ngày 15/12/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[6]. Trường hợp ông Trương Văn Út N2 bà Nguyễn Thị Mỹ H1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn ông Trương Văn Út N2, bà Nguyễn Thị Mỹ H1 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc là 130.240.000 đồng, tiền lãi là 33.725.131 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là: 163.965.131 đồng (Một trăm sáu mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi lăm ngàn, một trăm ba mươi một đồng).

2. Kể từ ngày 13/8/2024 bị đơn ông Trương Văn Út N2, bà Nguyễn Thị Mỹ H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận theo hợp đồng cho vay số 2403/2021/HĐTD/PVB-CN.VL cùng khế ước nhận nợ số LD2134923220 ngày 15/12/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Trường hợp ông Trương Văn Út N2 bà Nguyễn Thị Mỹ H1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 152/2021/HĐBĐ/PVB-CN.VL ngày 15/12/2021 để thu hồi.

4. Về án phí: Buộc bị đơn ông Trương Văn Út N2, bà Nguyễn Thị Mỹ H1 nộp 8.198.256 đồng (Tám triệu, một trăm chín mươi tám ngàn, hai trăm năm mươi sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn 3.751.000 đồng (Ba triệu, bảy trăm năm mươi một ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000920 ngày 20/03/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

5. Quyền kháng cáo: Án xử có mặt nguyên đơn báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- CC THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Công Bằng